

Bản án số: **109/2020/HN-ST**

Ngày: 09/12/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhân

2. Bà Đoàn Lệ Hồng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 398/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 333/QĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thanh Th, sinh năm 1991; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 532/1/78/8/4 Khu Y , phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Anh Tạ Văn S, sinh năm 1993; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã An Th, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2020, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Thanh Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đám cưới năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, vài tháng đầu thì sống ở nhà chị, sau đó vợ chồng thuê nhà trọ ở Hóc Môn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không chăm lo cho vợ con, khi chị mang thai anh S cũng không quan tâm, hai con bệnh nhập viện anh S cũng không về, theo chị biết anh S có quen với người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng bắt đầu ly thân từ khoảng tháng 02 năm 2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không có gặp gỡ hàn gắn về việc cả hai sẽ về chung sống cùng nhau và nhận thấy vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thể sống hòa hợp được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Nhật H sinh ngày 11/8/2016 và cháu Tạ Võ Thu Th sinh ngày 01/4/2018. Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2020 chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/11/2020 thì chị Th đã rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chỉ yêu cầu khi ly hôn được tiếp tục nuôi hai con chung.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Tạ Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Chị Võ Thị Thanh Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Tạ Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt chị Th, anh S.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thanh Th.

Con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Nhật H sinh ngày 11/8/2016 và cháu Tạ Võ Thu Th sinh ngày 01/4/2018 chị Th yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên được ghi nhận.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không giải quyết.

Nợ chung: Không có, đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Võ Thị Thanh Th thì quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Võ Thị Thanh Th là nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Tạ Văn S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh S.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Võ Thị Thanh Th và anh Tạ Văn S là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị Th yêu cầu được ly hôn với anh S. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh S thường xuyên vắng nhà, không quan tâm chăm sóc cho vợ, con chị đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi, theo chị biết thì anh S có người phụ nữ khác bên ngoài làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng tháng 02/2017 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng không có gặp gỡ để hàn gắn tình cảm.

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi anh S sống thì địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà Huỳnh Thị Có là mẹ ruột anh S thì bà cũng xác nhận giữa vợ chồng chị Th với anh S là có mâu thuẫn, cự cãi với nhau.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh S là có thật, anh S thường xuyên đi vắng nhà, vợ chồng không thể trao đổi được với nhau các vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và không còn tin tưởng nhau, làm cho tình cảm phai nhạt dần. Tòa án đã triệu tập anh S nhiều lần đến Tòa để hòa giải với chị Th, tuy nhiên anh S không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh anh S cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh S là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Nhật H sinh ngày 11/8/2016 và cháu Tạ Võ Thu Th sinh ngày 01/4/2018. Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2020 chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/11/2020 thì chị Th đã rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chỉ yêu cầu khi ly hôn

được tiếp tục nuôi hai con chung. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của chị Th nên được ghi nhận.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh S không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Th trình bày không có và anh S không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng, chị Th phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thanh Th.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Võ Thị Thanh Th được ly hôn với anh Tạ Văn S.

2. Về con chung: Có 02 con chung, cháu Tạ Nhật H sinh ngày 11/8/2016 và cháu Tạ Võ Thu Th sinh ngày 01/4/2018 khi ly hôn giao hai con chung cho chị Võ Thị Thanh Th tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Võ Thị Thanh Th không yêu cầu anh Tạ Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Võ Thị Thanh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Tạ Văn S không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Võ Thị Thanh Th trình bày không có và anh Tạ Văn S không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Võ Thị Thanh Th phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002939 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yến